

SỰ ĐỒNG HOÁ DÂN TỘC VÀ CHÚNG TỘC Ở MỸ

Ở lục địa này, tiềm năng của người Ireland, người Đức, người Thụy Điển, người Ba Lan và của tất cả các bộ tộc Châu Âu, người Châu Phi, người đảo Pô-li-nê-di sẽ hình thành nên một chủng tộc mới, một tôn giáo mới, một nhà nước mới.

Ralph Waldo Emerson

Nồi hầm nhừ hay bát trộn salat

Dân số Mỹ gồm nhiều nhóm sắc tộc thuộc nhiều chủng tộc, quốc tịch và tôn giáo. Quá trình trong đó nhiều nhóm kết hợp lại thành một bộ phận của đời sống văn hoá chung với những giá trị chung được gọi là quá trình *đồng hoá*. Các học giả có đôi chút bất đồng về tính chất đồng hoá diễn ra ở Mỹ. Một số học giả đã mô tả Mỹ là một "nồi hầm nhừ", nơi nhiều nhóm chủng tộc và sắc tộc hoà trộn với nhau trong một nền văn hoá. Những người khác lại có xu hướng coi Mỹ như một "bát trộn salat", nơi nhiều nhóm vẫn duy trì một số khác biệt so với nhóm khác, tạo ra một quốc gia hết sức đa dạng.

Có lẽ sự thực nằm giữa hai quan điểm này. Từ năm 1776, một khối lượng đồng hoá chủng tộc và sắc tộc khổng lồ đã diễn ra ở Mỹ, do vậy, một số nhóm tiếp tục cảm nhận mạnh mẽ về sự tách biệt của họ so với tổng thể văn hoá. Nhiều nhóm như vậy thực tế là những nhóm *tồn tại cùng lúc hai nền văn hoá*. Điều đó có nghĩa là họ vừa coi mình là người Mỹ, nhưng họ cũng vừa mong muốn duy trì ngôn ngữ và các truyền thống văn hoá trong nền văn hoá gốc của họ.

Những người gốc Tây Ban Nha đã ở lục địa Bắc Mỹ trước những người định cư đến từ Châu Âu vào đầu những năm 1600. Ở Florida và Tây Nam, các cuộc định cư của người Tây Ban Nha và người Mỹ Latinh đã diễn ra nhiều thế kỷ trước khi mười ba thuộc địa liên kết lại với nhau để hình thành nước Mỹ hồi cuối những năm 1700. Do lịch sử lâu dài và làn sóng những người mới đến nhập vào các cộng đồng đã ổn định tiếp tục diễn ra nên nhiều người Tây Ban Nha, hay còn gọi là người Latinh, đặc biệt tự hào trong việc duy trì những truyền thống văn hoá của họ và sử dụng tiếng Tây Ban Nha.

Nói chung, qua nhiều năm, những người da trắng từ nhiều xuất xứ dân tộc và tôn giáo khác nhau đã dần dần được đồng hoá vào nền văn hoá Mỹ lớn hơn với một số ngoại lệ. Ví dụ, những người Do Thái Mỹ là một nhóm người da trắng thường có một cảm giác mạnh mẽ về sự tách biệt với nền văn hoá chung. Điều này có thể là kết quả của một lịch sử lâu dài của sự ngược đãi trong các nước theo đạo Thiên Chúa ở Châu Âu, những hình thức phân biệt đối xử thấp hơn, cảm giác chống người Do Thái tồn tại ở Mỹ và cảm nhận mạnh mẽ của riêng họ

về lòng tự hào dân tộc. Quả thực, cùng với ý niệm về sự tách biệt của họ, những người Do Thái Mỹ có một ý thức mạnh mẽ rằng họ là một bộ phận của nền văn hoá Mỹ nói chung mà trong đó họ đã giành được sự thành công có tính cạnh tranh trong hầu hết các lĩnh vực.

Sự hình thành nền văn hoá chủ đạo

Cuộc điều tra dân số đầu tiên của quốc gia mới được tiến hành năm 1790 với số dân là 4 triệu người, đa số là người da trắng. Trong số các công dân da trắng, hơn 8 trong số 10 người có nguồn gốc từ Anh. Người Mỹ gốc Phi chiếm một tỉ lệ đáng ngạc nhiên là 20% dân số, cao nhất từ trước đến nay. Có gần 700.000 nô lệ và khoảng 60.000 “người da đen tự do”. Chỉ có một số ít người Mỹ bản địa trong diện công dân nộp thuế là được đưa vào danh sách điều tra, nhưng tổng số người Mỹ bản địa chắc chắn khoảng 1 triệu người.

Dân số da trắng đông hơn, có nhiều tiền bạc và quyền lực chính trị hơn trong quốc gia mới và do vậy, nhóm đa số này nhanh chóng quyết định nên sự hình thành của nền văn hoá chủ đạo. Vào thời điểm của cuộc Cách mạng Mỹ, dân số da trắng chủ yếu là người gốc Anh, theo đạo Tin lành và thuộc tầng lớp trung lưu. Những người Mỹ này đôi khi được đề cập đến với cái tên WASPs (White Anglo-Saxon Protestants). Những đặc trưng của họ đã trở thành tiêu chuẩn để đánh giá các nhóm khác. Những người có một tôn giáo khác (chẳng hạn như những người theo đạo Thiên Chúa Ireland), hay những người nói một ngôn ngữ khác (như tiếng Đức, Hà Lan và Thụy Điển) thuộc nhóm thiểu số và có thể bị rơi vào thế bất lợi

trừ khi họ đã được đồng hoá. Vào cuối những năm 1700, sự đồng hoá này đã diễn ra mà không gặp khó khăn lớn nào. Theo các nhà sử học Allan Nevins và Henry Steele Commager, “Người Anh, người Ireland, người Đức,... người Hà Lan, người Thụy Điển, đã hoà trộn và kết hôn với nhau mà không quan tâm nhiều đến sự khác biệt.”

Tiếp đến, nền văn hoá Mỹ chủ đạo phát triển từ lịch sử ban đầu của dân tộc có đặc trưng là nền văn hóa nói tiếng Anh, theo kiểu Tây Âu, thuộc đạo Tin lành và của tầng lớp trung lưu. Chính nền văn hoá chủ đạo này đã hình thành nên những giá trị truyền thống mà de Tocqueville mô tả đầu những năm 1830. Những người nhập cư với những đặc trưng này đã được chào đón, một phần do người Mỹ tin rằng những người mới đến này chắc chắn sẽ ủng hộ mạnh mẽ những giá trị căn bản của nền văn hoá chủ đạo như tự do, bình đẳng về cơ hội và khát vọng làm việc tích cực để có một mức sống vật chất cao hơn.

Sự đồng hoá những người Châu Âu không theo đạo Tin lành và không đến từ phương Tây

Như trong nhiều nền văn hoá khác, mức độ khác biệt của một nhóm thiểu số so với những đặc điểm của nhóm đa số sẽ quyết định mức độ được công nhận của nhóm đó. Mặc dù những người nhập cư giống với những người định cư trước đó đã được chấp nhận, song những dân tộc có các điểm khác biệt lớn có xu hướng bị xem là một mối đe dọa đối với các giá trị và lối sống Mỹ truyền thống.

Điều này đặc biệt đúng đối với những người nhập cư lên đến hàng triệu người trong suốt thời kỳ cuối thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX. Hầu hết họ

đến từ những quốc gia nghèo ở Nam và Đông Âu. Họ nói những ngôn ngữ không phải tiếng Anh và nhiều người trong số họ là những người theo đạo Thiên Chúa hay là người Do Thái.

Người Mỹ lúc đó rất lo sợ trước làn sóng người nhập cư mới này. Họ lo sợ rằng những người này đã quá quen với cuộc sống nghèo khổ và phụ thuộc nên họ sẽ không hiểu được những giá trị truyền thống của Mỹ như tự do, tự lập và cạnh tranh. Người nhập cư mới nhiều đến mức họ thậm chí có thể làm thay đổi những giá trị căn bản của dân tộc theo những cách không thể hình dung được.

Người Mỹ đã cố gắng đối phó với điều họ xem là mối đe dọa cho các giá trị của họ bằng cách dạy tiếng Anh cho những người mới nhập cư và các lớp học về quyền công dân để dạy họ những niềm tin Mỹ cơ bản. Tuy nhiên, những người nhập cư thường cảm thấy rằng các giáo viên Mỹ của họ không chấp nhận những truyền thống của quê hương họ. Hơn nữa, học về những giá trị Mỹ không giúp họ nhiều trong việc đáp ứng những nhu cầu quan trọng nhất của họ như việc làm, thực phẩm và nhà ở.

Điều hữu ích hơn đối với những người nhập cư mới là “những ông trùm chính trị” của các thành phố lớn hơn ở Đông Bắc nước Mỹ, nơi hầu hết những người nhập cư lần đầu tiên đặt chân đến. Những ông trùm này nhận thức được nhiều nhu cầu thực tiễn của những người nhập cư và có cái nhìn độ lượng hơn với những truyền thống bản địa khác biệt của họ. Đối lại, những ông trùm chính trị hy vọng những người nhập cư sẽ giúp họ duy trì quyền lực bằng cách bỏ phiếu cho họ trong các cuộc bầu cử.

Nhiều người Mỹ phản đối mạnh mẽ các ông trùm chính trị. Điều này một

phần do những ông trùm thường xuyên tham nhũng; tức là họ thường chiếm đoạt tiền của các chính quyền thành phố mà họ kiểm soát và tham gia vào các hoạt động phi pháp khác. Có lẽ quan trọng hơn đối với những người Mỹ bất đồng là thực tế rằng các ông trùm dường như đang làm hỏng những giá trị Mỹ cơ bản như tự lập và cạnh tranh.

Dường như những ông trùm đang dạy cho người nhập cư phải phụ thuộc vào họ hơn là dựa vào chính bản thân mình. Hơn nữa, các ông trùm đang “mua” lá phiếu của những người nhập cư để đem lại cho họ sự độc quyền về sức mạnh chính trị trong nhiều thành phố lớn hơn. Việc làm này đã phá vỡ sự cạnh tranh trong chính trị, điều mà người Mỹ xem là một truyền thống quan trọng trong đời sống chính trị đúng như nó đã diễn ra trên các khía cạnh khác của đời sống Mỹ.

Bất chấp những điều chỉ trích này, nhiều học giả tin rằng các ông trùm chính trị đã thực hiện một chức năng quan trọng vào thời kỳ cuối thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX. Họ đã giúp đồng hoá một số lượng lớn những người nhập cư mới vào nền văn hoá Mỹ nói chung bằng cách tìm việc làm và nhà ở cho họ để đổi lấy sự hậu thuẫn chính trị của những người này. Sau đó, các ông trùm cũng đã giúp con cái những người nhập cư này tìm việc làm, song thế hệ thứ hai thường có thuận lợi là lớn lên bằng ngôn ngữ tiếng Anh.

Do nền kinh tế Mỹ phát triển nhanh hồi cuối thế kỷ XIX nên những người nhập cư mới này đã có khả năng nâng cao mức sống của họ ở Mỹ, thường là với sự giúp đỡ của các ông trùm. Kết quả của những cơ hội và những phần thưởng mới này là những người nhập cư đã thừa nhận hầu hết

các giá trị của nền văn hoá Mỹ nói chung và ngược lại cũng được đa số người Mỹ công nhận họ. Vì vậy, đối với các nhóm dân tộc da trắng, nhìn chung, cảm giác là một bộ phận của một nền văn hoá lớn (văn hoá Mỹ) thường mạnh hơn so với cảm giác là một nhóm dân tộc tách biệt (như Ireland, Italia và Ba Lan trong nhiều nhóm khác).

Trải nghiệm của người Mỹ gốc Phi

Quá trình đồng hoá ở Mỹ đã diễn ra thành công hơn đối với các nhóm dân tộc da trắng so với các nhóm dân tộc khác. Trong các nhóm dân tộc khác, người Mỹ gốc Phi gặp nhiều khó khăn nhất để đồng hoá vào nền văn hoá nói chung. Những người Mỹ gốc Phi bị mang đến Mỹ trái với ý nguyện của họ và bị bán như những nô lệ. Trừ các bộ tộc người Mỹ bản địa đã cư trú trên đất Mỹ trước khi những người định cư da trắng đầu tiên đổ bộ đến đây, các nhóm dân tộc khác đến Mỹ một cách tự nguyện - hầu hết với tư cách là những người nhập cư mong muốn có các điều kiện sống tốt hơn.

Quá trình nô dịch hoá người Mỹ gốc Phi ở Mỹ là sự mâu thuẫn hoàn toàn với những giá trị Mỹ cơ bản truyền thống như tự do và bình đẳng về cơ hội. Nó đã chia rẽ nước Mỹ thành hai khu vực ngày càng khác biệt: các bang miền Nam, nơi chế độ nô lệ da đen trở thành nền tảng cho nền kinh tế và các bang miền Bắc, nơi cho rằng chế độ nô lệ là chống lại luật pháp.

Một số ít người da trắng ở miền Bắc khẳng định rằng phải **bãi bỏ** chế độ nô lệ cho dù điều này có thể dẫn đến chiến tranh với miền Nam. Ngày càng nhiều người da trắng ở miền Bắc tin rằng tự do và bình đẳng về cơ hội cần được bảo đảm cho người da trắng mà

thôi, song họ lo sợ rằng chế độ nô lệ da đen cuối cùng sẽ làm mất đi sự tự do kinh tế của họ. Chẳng hạn, nếu chế độ nô lệ của miền Nam được phép lan rộng ra những vùng biên giới ở miền Tây, những người da trắng nghèo và có thu nhập trung bình sẽ không thể hướng tới biên cương miền Tây như một mảnh đất của bình đẳng và cơ hội, nơi người ta có thể nâng cao vị thế của mình trong cuộc sống. Ngoài ra, người da trắng sẽ phải cạnh tranh với lao động nô lệ không được trả lương, một thực tế mà họ tin rằng sẽ làm giảm giá trị công việc và hạ thấp địa vị xã hội của họ.

Abraham Lincoln đã trở thành Tổng thống nước Mỹ bằng cách kêu gọi các nhà tư tưởng da trắng, những người coi chế độ nô lệ là một sự bất công đối với người Mỹ gốc Phi và nhiều người da trắng miền Bắc, những người coi chế độ nô lệ là một mối đe dọa cho chính họ. Lập luận của Lincoln là nếu chế độ nô lệ da đen tiếp tục lan rộng sang miền Tây, tự do và bình đẳng của người da trắng sẽ bị đe dọa. Lincoln cũng tin rằng những tư tưởng cơ bản như tự do và bình đẳng về cơ hội phải được áp dụng cho *tất cả* mọi người, da đen và da trắng, nếu không, chúng sẽ không tồn tại với tư cách là những giá trị Mỹ cơ bản.

Khi Lincoln đắc cử Tổng thống vào năm 1860, các bang miền Nam đã tách khỏi Liên bang và cố gắng hình thành một dân tộc mới của riêng họ với chế độ nô lệ. Một cuộc Nội chiến giữa miền Bắc và miền Nam đã diễn ra, trở thành cuộc chiến tranh đẫm máu nhất và huỷ diệt nhất trong tất cả các cuộc chiến của dân tộc. Cuối cùng, khi miền Bắc chiến thắng, chế độ nô lệ da đen đã chấm dứt ở Mỹ.

Tuy nhiên, những người Mỹ gốc Phi vẫn chưa sẵn sàng đồng hoá vào nền

văn hoá Mỹ lớn hơn. Đa số họ vẫn sống ở miền Nam, nơi họ không được phép bầu cử và bị phân biệt đối xử về mặt pháp lý với những người da trắng. Ví dụ, trẻ em da đen không được phép học tại các trường học công của người da trắng và nhiều em chỉ được nhận một nền giáo dục chất lượng kém không đem lại cho họ một cơ hội công bằng để cạnh tranh trong xã hội chịu ảnh hưởng của người da trắng. Nhiều người nô lệ trước đây và gia đình của họ bị lâm vào vòng nghèo đói tiếp diễn trong nhiều thế hệ. Các điều kiện trở nên tồi tệ hơn ở miền Nam bị phân biệt đối xử và người da đen vẫn tiếp tục là những nạn nhân của sự định kiến chủng tộc mạnh mẽ ở miền Bắc cũng như ở miền Nam.

Phong trào dân quyền của người da đen thập kỷ 1950 và 1960

Tình trạng này vẫn không thay đổi cho đến khi Toà án Tối cao Mỹ tuyên bố vào năm 1954 rằng các trường công phân biệt chủng tộc không tạo ra các cơ hội giáo dục bình đẳng cho người Mỹ da đen và như vậy là bất hợp pháp. Quyết định này đã khích lệ mạnh mẽ các nhà lãnh đạo da đen trên khắp nước Mỹ. Họ quyết định chấm dứt sự phân biệt chủng tộc trong mọi lĩnh vực của đời sống Mỹ.

Lãnh đạo quan trọng nhất là Martin Luther King, Jr., một mục sư Tin lành da đen có khả năng truyền cảm hứng cho dân tộc của ông. Từ cuối những năm 1950 cho đến khi ông bị một tay súng da trắng ám sát vào năm 1968, King đã lãnh đạo hàng nghìn người Mỹ gốc Phi trong các cuộc diễu hành và biểu tình phi bạo lực chống lại sự phân biệt đối xử và các hình thức phân biệt chủng tộc khác.

Mục tiêu của King là tạo ra sự đồng hoá hơn nữa cho những người da đen vào nền văn hoá Mỹ nói chung. Những tư tưởng của ông đã được xây dựng chủ yếu từ những giá trị Mỹ cơ bản. Ông mong muốn sự bình đẳng về cơ hội lớn hơn và "Tự do hôm nay" cho dân tộc ông. Ông không muốn tách dân tộc mình ra khỏi xã hội Mỹ mà muốn giành cho họ một vị trí lớn hơn trong đó.

Một số nhà lãnh đạo da đen như Malcolm X đã thúc đẩy việc loại bỏ những giá trị Mỹ cơ bản và thực hiện việc tách người da đen ra khỏi nền văn hoá da trắng. Malcolm X tin rằng những giá trị Mỹ chẳng qua chỉ là "những giá trị của đàn ông da trắng" được sử dụng để đẩy người da đen xuống một vị thế thấp kém hơn. Ông tin rằng người da đen phải tách bản thân họ ra khỏi người da trắng bằng lực nếu cần thiết và xây dựng xã hội riêng cho mình dựa trên những giá trị mà họ sẽ tạo ra cho chính họ. Do ông coi đạo Cơ đốc là một tôn giáo "da trắng" nên Malcolm đã đến với đạo Hồi và trở thành một thủ lĩnh của "đạo Hồi da đen" (được thành lập vào năm 1930). Tuy nhiên, đa số người da đen Mỹ lại có chung những niềm tin tôn giáo Tin lành với Martin Luther King, Jr. và mục tiêu đồng hoá của ông hơn là sự ly khai. Phần lớn người Mỹ gốc Phi tiếp tục coi King là thủ lĩnh của họ.

Trên quy mô lớn các hoạt động của King, hai luật quyền công dân chính đã được thông qua trong suốt thập kỷ 1960 là xoá bỏ sự phân biệt chủng tộc tại nơi công cộng ở miền Nam và xoá bỏ các rào cản không cho người da đen bầu cử ở khu vực đó.

Các quan hệ chủng tộc sau phong trào dân quyền của người da đen

Các luật về quyền công dân của thập kỷ 1960 đã tạo ra một mức độ đồng hoá lớn những người da đen vào nền văn hoá Mỹ nói chung. Quan trọng nhất, cuối cùng các luật đã làm giảm sự định kiến của người da trắng đối với người da đen trên hầu hết các miền đất nước. Số lượng người Mỹ gốc Phi đến học tại các trường cao đẳng và đại học của quốc gia, nắm giữ chức vụ được bầu cử và có thu nhập cao hơn đã tăng mạnh hồi cuối thập kỷ 1960 và 1970. Năm 1984, và 1988, Jesse Jackson, một nhà lãnh đạo da đen cộng tác với King trong những năm 1960 đã trở thành người Mỹ gốc Phi đầu tiên tranh chức tổng thống Mỹ. Mặc dù ông không trúng cử nhưng ông đã thu hút được nhiều sự chú ý trên cả nước và có ảnh hưởng lớn đến các chính sách của đảng Dân chủ.

Hiện nay, người Mỹ gốc Phi là những thị trường của các thành phố lớn và thành viên Quốc hội; họ nắm giữ chức vụ ở mọi cấp chính phủ - địa phương, bang và quốc gia. Họ là những anh hùng thể thao và giải trí, các giáo sư đại học, bác sỹ, luật sư, doanh nhân và nhà báo. Hiện nay có một tầng lớp trung lưu da đen khá đông và có nhiều người Mỹ gốc Phi giàu có. Hơn 80% người da trắng ngày nay cho rằng họ sẽ bỏ phiếu tổng thống cho một người da đen, chẳng hạn như Tướng Colin Powell. Powell từng là Chủ tịch Hội đồng Tham mưu của Tổng thống Bush, lãnh đạo quân sự cao cấp ở Mỹ.

Trở ngại là vẫn tồn tại một hố sâu ngăn cách giữa các chủng tộc. Mặc dù người Mỹ gốc Phi chiếm 13% dân số, nhưng họ hoàn toàn không có tiếng

nói trong Quốc hội. Thu nhập trung bình của một đàn ông da đen đã kết hôn làm việc trọn ngày thấp hơn 23% so với thu nhập của một đàn ông da trắng đã kết hôn. Phân biệt đối xử và phân biệt chủng tộc là trái với luật pháp, nhưng các hình thức cư trú đã tạo ra những khu trường học bị phân biệt đối xử tại nhiều khu vực đô thị. Một nửa số người da trắng ở Mỹ sống ở các vùng ngoại ô, nhưng chỉ có một phần tư người da đen sống ở những vùng này. Nhiều người da đen bị rơi vào những vòng nghèo đói, thất nghiệp, bạo lực và tuyệt vọng trong khu phố cũ. Hiện nay, họ là những nạn nhân thường xuyên nhất của tội phạm bạo lực và cứ một trong số năm thanh niên nam có hồ sơ phạm tội. Hơn 40% trẻ em da đen sống trong nghèo khổ và nhiều em chỉ có một cha hoặc mẹ. 70% trẻ em da đen sinh ra trong gia đình mà người phụ nữ không kết hôn. Một số người cho rằng sự tan vỡ của kết cấu gia đình là nguyên nhân của nhiều vấn đề xã hội mà người Mỹ gốc Phi hiện đang gặp phải.

Vậy ai là người đáng trách? Trong một cuộc trưng cầu mới đây, 44% người da đen cho rằng những vấn đề này là do sự phân biệt của người da trắng đối với họ. Chỉ có 21% người da trắng đồng ý. Một số người Mỹ gốc Phi đã cho rằng họ không bao giờ có được sự đối xử bình đẳng trong một xã hội chịu ảnh hưởng của người da trắng. Một mối quan tâm mới đã quay trở lại với Malcolm X, ba thập kỷ sau khi ông mất. Năm 1993, Spike Lee, một đạo diễn da đen đã làm một bộ phim về cuộc đời của Malcolm X và những tư tưởng ly khai của ông. Trong thập kỷ 1990, Louis Farrakhan, một lãnh đạo Hồi giáo da đen mới đã ủng hộ người da đen tự tách khỏi văn hoá da trắng đối địch

thay vì cố gắng trở thành một bộ phận của nó. Mùa Thu năm 1995, Farrakhan và những người khác đã tổ chức cuộc "Diễu hành một triệu đàn ông" Mỹ da đen và những cậu bé ở Thủ đô Washington DC. Mục tiêu của cuộc diễu hành là tụ tập những ông bố và các con trai, những người minh họa cho những hình mẫu tích cực cho người Mỹ gốc Phi và là những người truyền cảm hứng cho dân tộc, đảm nhận vai trò lãnh đạo và làm nên sự khác biệt trong các cộng đồng dân tộc của họ.

Mặc dù một số người coi Farrakhan là một người cực đoan, nhưng giọng nói lớn của ông đã có một sức thuyết phục đối với nhiều người Mỹ gốc Phi. Đặc biệt, nhiều thanh niên da đen đang tìm kiếm một bản sắc Mỹ gốc Phi riêng, bản sắc sẽ công nhận những đóng góp mà nền văn hoá da đen của họ đã làm nên và một bản sắc sẽ tạo nên giá trị cho nền văn hoá da đen bình đẳng với của người da trắng. Do họ không sống trong thời kỳ chiến tranh vì quyền công dân của những năm 1960 nên tiến bộ đạt được và địa vị của những người Mỹ gốc Phi hiện nay có được trong xã hội da trắng không hiện thực đối với họ như những bất bình đẳng mà họ tin rằng họ đang trải nghiệm. Họ không có hồi ức về những chuyến xe buýt phân biệt đối xử, các công viên, nhà hàng, thậm chí nhà vệ sinh công cộng và vòi nước ở miền Nam thời kỳ trước khi có các quyền công dân.

Trở lại với những năm 1830, de Tocqueville đã dự báo bất đồng giữa người da đen và da trắng ở Mỹ:

Hai chủng tộc này gắn bó chặt chẽ với nhau nhưng không hòa lẫn nhau; họ không thể hoàn toàn tách rời nhau hay hoàn toàn gắn kết với nhau. Mặc dù luật pháp có thể bãi bỏ chế độ nô lệ,

nhưng chỉ có Chúa mới có thể xóa sạch những dấu vết về sự tồn tại của nó.

Nathan Glaze, một chuyên gia về đồng hóa tin rằng người da đen ở Mỹ khó được đa số người da trắng chấp nhận hơn so với các nhóm chủng tộc và sắc tộc khác như những người Tây Ban Nha, người Mỹ bản địa và người Châu Á. Do vậy, chính sách ly khai chủng tộc và văn hóa có một động lực mạnh mẽ hơn đối với họ so với các nhóm thiểu số khác. Chưa có một thủ lĩnh ly khai nào của các nhóm thiểu số sắc tộc và chủng tộc khác lại có sức thuyết phục lớn như Malcolm X và Loius Farrakhan đối với người Mỹ da đen.

Mặc dù chế độ nô lệ đã được bãi bỏ vào những năm 1860, nhưng di sản của nó vẫn tiếp diễn. Tuy nhiên, may mắn thay, những người có niềm tin tốt đẹp, cả người da đen và da trắng, đều đang chung sức nỗ lực để có được sự hài hòa và bình đẳng giữa các chủng tộc.

Một dân tộc toàn cầu*

Như chúng ta đã nhận thấy, nền văn hóa chủ đạo và hệ thống giá trị của nó được hình thành bởi những người định cư đầu tiên có nguồn gốc từ người da trắng, theo đạo Tin lành và theo kiểu Tây Âu. Vào cuối những năm 1800 và đầu 1900, hàng triệu người nhập cư đến từ Đông và Nam Âu, mang theo các truyền thống văn hóa khác biệt hoàn toàn so với nền văn hóa chủ đạo. Đến những năm 1920, người Mỹ đã quyết định đây là thời điểm để đóng cửa các đường biên giới trước sự nhập cư với số lượng lớn và số người nhập cư mới đã giảm xuống con số ít nhất. Bất chấp những lo ngại của những người trong nền văn hóa chủ đạo, những người nhập cư mới đã đồng hóa vào đời sống ở Mỹ. Họ đã làm phong phú thêm nhiều tính đa dạng

văn hóa của dân tộc và cuối cùng họ đã không tạo ra những thay đổi lớn đối với hệ thống chính quyền, hệ thống doanh nghiệp tự do hay những giá trị truyền thống của nó.

Năm 1965, Mỹ đã có những thay đổi quan trọng trong các luật nhập cư, cho phép nhiều người nhập cư đến hơn và xóa bỏ hoàn toàn các luật cũ ưu tiên cho những người nhập cư Châu Âu da trắng. Do vậy, hiện nay Mỹ đang đứng trước một thách thức mới là tiếp nhận một số lượng lớn những người nhập cư không phải là da trắng và không đến từ Châu Âu. Khoảng 90% những người này đến từ Châu Á, Mỹ Latinh, và biển Caribbean. Bên cạnh số lượng lớn những người nhập cư hợp pháp, lần đầu tiên nước Mỹ có một số lượng khổng lồ những người nhập cư bất hợp pháp. Nhiều người lo ngại về tác động của nó đến xã hội Mỹ. Liệu nền kinh tế Mỹ có đủ sức tăng trưởng để đem lại cho những người nhập cư mới này các cơ hội bình đẳng với những người khác hay không? Sẽ có những ảnh hưởng gì đến hệ giá trị truyền thống đã làm nên nước Mỹ trong hơn 200 năm qua?

Nhiều người Mỹ nhận thấy những lợi ích tuyệt diệu cho quốc gia của họ. Ben Wattenberg, một chuyên gia có tiếng về văn hóa Mỹ, tin rằng "sự

nhập cư mới" sẽ có tác dụng lớn đối với dân tộc. Theo Wattenberg, một số điều rất quan trọng đang đến với nước Mỹ: Mỹ đang trở thành dân tộc toàn cầu đầu tiên trong lịch sử. Wattenberg tin rằng Mỹ sẽ là dân tộc đầu tiên có một số lượng lớn các dân tộc từ mọi vùng trên trái đất đến sống trong sự tự do dưới một chính quyền. Theo ông, sự đa dạng này sẽ đem lại cho dân tộc ảnh hưởng và sức hấp dẫn lớn đối với phần còn lại của thế giới trong thế kỷ XXI.

Có lẽ người ta sẽ không mô tả nước Mỹ như một "nồi hầm nhừ" hay một "bát trộn salad" mà là một "tấm khảm" - một bức tranh được ghép lại bằng nhiều mảnh nhỏ những màu sắc khác nhau. Nếu nhìn kỹ vào dân tộc, các cá nhân thuộc nhiều màu da và các nhóm sắc tộc khác nhau vẫn khác biệt và có thể phân biệt được, tuy nhiên, khi kết hợp lại với nhau, các nhóm này tạo ra một bức tranh Mỹ độc đáo. "E Pluribus Unum" - khẩu hiệu của nước Mỹ từ khi mới hình thành - có nghĩa là "một quốc gia nhiều thành phần" ■

*Người dịch: Lê Thu Hằng
Viện Nghiên cứu Châu Mỹ*

Nguồn: The American Ways